QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG TƯ VẤN TÂM LÝ CHO HỌC SINH Ở CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC HUYỆN HOÀI ĐỨC, THÀNH PHỐ HÀ NỘI TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY

Nguyễn Thị Thu Hương*

ABSTRACT

Psychological counseling is an activity that contributes ideas, gives advice from psychologists to people with psychological problems, based on insights, experiences and knowledge to help them solve their problems. It is to give professional opinions, to share, to empathize and to help them overcome, self-correct and self-direct with the support of a psychologist as a companion. In that sense, psychological counseling is needed at all levels and right from elementary school. Research on the management of psychological counseling activities for students in primary schools in Hoai Duc district, Hanoi shows that teachers and school principals are not fully aware and face many barriers when provide psychological counseling to students in primary schools. Staff and teachers need to be guided to practice counseling skills and support students to perform relaxation and stress reduction exercises during and after the COVID-19 pandemic, to prepare them to return to school. best. That is the basis for proposing management measures to solve the inadequacies of the situation.

Keywords: *Management of psychological counseling activities, psychological counseling for primary students, management of psychological counseling activities in primary schools.*

Received: 4/3/2022; Accepted: 8/3/2022; Published: 12/3/2022

1. Mở đầu

Hoạt động *tư vấn học đường ra đời ở Mỹ vào những năm đầu của thế kỷ 20, từ công tác hướng nghiệp trong nhà trường. Nội dung chương trình gồm những bài học mô tả về nghề nghiệp, những hứng thú, những đặc điểm cần phát triển và những vấn đề về tư tưởng và hành vi không thích hợp cần hạn chế đối với một số nghề nghiệp.* Cuốn sách "Chọn nghề" (Choosing a Vocation) của Frank Parsons (1854-1908), người được coi là "cha đẻ của hướng nghiệp" là công trình nghiên cứu đánh dấu sự cống hiến lớn lao cho công tác tư vấn nghề. Ông đã chỉ ra rằng *công tác hướng dẫn tư vấn nghề có hệ thống trong trường học* và *tham vấn cá nhân có vai trò quan trọng* [1].

Carl Rogers là nhà tâm lý học, tâm lý trị liệu hàng đầu của thế kỷ 20, đã đưa ngành tư vấn tâm lý lên địa vị quan trọng với phương pháp tư vấn thân chủ trọng tâm và học trò là trung tâm trong tư vấn học đường [2]

Singapore, đã thành lập Trung tâm tư vấn từ năm 1966. Đến năm 1976, thành lập Trung tâm Dịch vụ Chăm sóc HS. Chức năng của trung tâm này là giúp các HS phát huy tối đa tiềm năng của bản thân và có khả năng vượt qua những khó khăn trong học tập và đời sống, ngoài ra, trung tâm còn đào tạo các tư vấn viên là giáo viên (theo giáo trình của Bộ Giáo dục), do Phòng đào tạo nhân viên của Bộ Giáo dục tổ chức. Nhiệm vụ chủ yếu của trung tâm bao gồm: Chăm sóc tình huống và tư vấn gia đình; dịch vụ tâm lý giáo dục; chăm sóc thanh thiếu niên phạm pháp; cố vấn cho sinh viên; huấn luyện, phát triển tình nguyện viên [3].

Như vậy TVTL không chỉ cần thiết ở những bậc học cao (THCS, THPT, đào tạo nghề...) mà ở mọi lứa tuổi, kể cả tiểu học, TVTL là rất quan trọng. Bởi vì mỗi HS là một cá nhân có những sở thích, năng lực, sở trường khác nhau; với những động lực, điều kiện, hoàn cảnh học tập khác nhau. HS cần được tư vấn, dạy và học theo cách thức phù hợp, được tạo điều kiện để phát triển tối đa năng lực của mình trong môi trường nhà trường.

Như vậy, TVTLHĐ *là sự hỗ trợ tâm lý, giúp* HS *nâng cao hiểu biết về bản thân, hoàn cảnh gia đình, mối quan hệ xã hội, từ đó tăng cảm xúc tích cực, tự đưa ra quyết định trong những tình huống khó khăn* HS gặp phải khi đang học tại nhà trường. Như vậy, quản lý hoạt động TVTL cho HS ở trường tiểu học không thể tách khỏi các chức năng của quản lý, QLGD *và quản lý nhà trường, bao gồm hàng loạt*

*Trường Tiểu học Phù La huyện Hoài Đức, TP Hà Nội

những hoạt động tiến hành lựa chọn, tổ chức và thực hiện các nguồn lực, các tác động của nhà quản lý, của tập thể sư phạm, của các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường theo kế hoạch và chương trình giáo dục nhằm đưa hoạt động TVTL cho HS đạt hiệu quả cao nhất.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Thực trạng quản lý hoạt động TVTL cho HS ở các trường tiểu học trên địa bàn huyện Hoài Đức, Hà Nội.

Tác giả tiến hành tại 5 trường tiểu học huyện Hoài Đức gồm: La Phù, An Khánh B, Đông La, Di Trạch, Đức Thượng với tổng số 15 CBQL, 140 GV có thể để đánh giá thực trạng mức độ thực hiện TVTL và nội dung QLHĐ TVTL ở các trường tiểu học huyện Hoài Đức. Kết quả thu được như sau:

2.1.1. Thực trạng xây dựng kế hoạch hoạt động TVTL cho HS ở các trường tiểu học huyện Hoài Đức, Hà Nội.

Kết quả khảo sát cho thấy CBQL, GV đánh giá mức độ thực hiện công tác này ở mức trung bình, điểm TB đạt: 2.24. Trong đó 2 nội dung được thực hiện tốt nhất trong kế hoạch là: Nội dung 1: "Xác định căn cứ pháp lý và căn cứ thực tiễn cho việc lập kế hoạch" (điểm TB: 2.53) và Nội dung 5: "Thành lập Tổ Tư vấn, hỗ trợ HS" (điểm TB đạt 2.39). Đây là những nội dung đã được Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT triển khai kịp thời, cung cấp đầy đủ các văn bản hướng dẫn nên các nhà trường thực hiện thuận lợi.

Nội dung được thực hiện chưa tốt là nội dung: *"Dự kiến điều kiện cơ sở vật chất, nguồn kinh phí cho hoạt động TVTL"* và *"Khảo sát thực trạng những vấn đề tâm lý của HS"*. Sở dĩ, có tồn tại này là do nguồn kinh phí dành cho hoạt động TVTL của các nhà trường rất eo hẹp, khi xây dựng kế hoạch, dự toán cho các hoạt động thường không đáp ứng được theo thực tế. Ngoài ra, nhận định về công tác xây dựng kế hoạch còn những vấn đề như: Tiến độ thực hiện các kế hoạch đề ra thường chậm hơn so với thời gian dự kiến, trong quá trình triển khai kế hoạch sự phối hợp của các lực lượng liên quan đặc biệt là GVCN và cán bộ tư vấn chưa hiệu quả, việc xây dựng,triển khai nội dung các hoạt động tương đối mờ nhạt, đôi khi thực hiện máy móc theo kế hoạch đã định do chưa được quán triệt một cách thấu đáo, thấm sâu trong từng bộ phận, đoàn thể, từng cá nhân cán bộ, giáo viên và HS.

2.1.2. Thực trạng chỉ đạo, điều phối hoạt động TVTL cho HS ở các trường tiểu học huyện Hoài Đức, Hà Nội.

Nội dung được đánh giá thấp là: Chỉ đạo bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV, cán bộ làm công tác TVTL HS; Theo dõi, giám sát, điều chỉnh sai sót trong quá trình tổ chức hoạt động TVTL HS. Nguyên nhân một phần do nguồn kinh phí chi cho công tác bồi dưỡng còn hạn hẹp. Bên cạnh đó, một bộ phận CB, GV các trường tiểu họcvnhận thức chưa đầy đủ về vai trò của công tác TVTL, nhất là vai trò quan trọng của GV đối với hiệu quả của hoạt động này nên ý thức tự giác tham gia bồi dưỡng để có hiểu biết về TVTL còn hạn chế. Việc tổ chức các buổi hội thảo nhằm tạo điều kiện để đội ngũ trao đổi, học hỏi kinh nghiệm hiệu quả thấp vì chính các GV trong trường cũng chưa có nhiều kinh nghiệm về lĩnh vực này. Bên cạnh đó, thời gian để GV tham gia ĐTBD cũng còn gặp khó khăn, vì thường chỉ bố trí được trong dịp nghỉ hè. Như vậy, trong chỉ đạo hoạt động TVTL cho HS nhà trường hiện nay, cần quan tâm theo dõi, giám sát, điều chỉnh sai sót trong quá trình tổ chức hoạt động TVTL HS.

2.1.3. Thực trạng KTĐG hoạt động TVTL cho HS ở các trường tiểu học huyện Hoài Đức, Hà Nội.

2.2. Thực trạng kiểm tra, đánh giá hoạt động TVTL cho HS

TT	Nội dung	Mức độ								TB	Bậc
		Tốt		Khá		Trung bình		Yếu			
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	Kiểm tra thực hiện kế hoạch TVTL cho HS	63	33	42	22	64	33	24	12.6	**2.74**	**1**
2	Xây dựng các tiêu chí đánh giá hoạt động TVTL cho HS	21	11	21	11	61	32	90	47.4	**1.84**	**5**
3	Xếp loại thi đua về kết quả thực hiện hoạt động TVTL	30	15	34	17	69	36	60	31.6	**2.16**	**4**
4	Báo cáo kết quả hoạt động	41	21	41	21	61	32	50	26.3	**2.37**	**3**
5	Sử dụng kết quả kiểm tra, đánh giá để điều chỉnh kế hoạch	49	25	33	17	63	33	48	25.3	**2.42**	**2**
	Điểm TB									**2.31**	

Công tác KTĐG hoạt động TVTL cho HS rất quan trọng, qua đó rút kinh nghiệm, đôn đốc CBQL, GV, các nhà trường điều chỉnh kế hoạch, biện pháp thực hiện. Có 2 nội dung hiện nay nhà trường đã thực hiện tốt đó là nội dung 1: *"Kiểm tra thực hiện kế hoạch TVTL cho HS"* và nội dung 5: *"Sử dụng kết quả kiểm*

tra, đánh giá để điều chỉnh kế hoạch". Công tác sơ kết, tổng kết nhằm đánh giá những kết quả đạt được, chỉ ra những hạn chế, yếu kém, những mặt tồn tại rút kinh nghiệm cho kế hoạch thời gian tiếp theo. Tuy nhiên, việc thực hiện nội dung 3: *"Xây dựng các tiêu chí đánh giá hoạt* động *TVTL cho HS"* chưa được đánh giá tốt vì thiếu chuyên gia hỗ trợ.

Hạn chế trong công tác KTĐG là nhà trường chưa xây dựng được hệ thống căn cứ, tiêu chí đánh giá hoạt động TVTL một cách đầy đủ, phù hợp với đặc điểm nhà trường.

Sự đặc trưng của tư vấn tâm lý ở tiểu học là tập trung vào phương pháp và hình thức tổ chức sao cho phù hợp với đặc điểm tâm lý, nhận thức, sở thích, hứng thú... của từng đối tượng người học. Chiến lược tư vấn tâm lý phải hướng đến sự phát triển tối đa tư chất vốn có của người học, giúp họ tự vượt qua, tự điều chỉnh và tự định hướng bản thân. Đây là vấn đề quan trọng mà người quản lý nhà trường tiểu học và giáo viên cần phải có nhận thức đầy đủ. Tuy nhiên để thực hiện được nó trên thực tế đòi hỏi không chỉ nhận thức mà còn cả tâm huyết và trách nhiệm của các nhà giáo dục và quản lý giáo dục.

2.2. Biện pháp quản lý hoạt động TVTL cho HS ở các trường tiểu học huyện Hoài Đức, Hà Nội.

Trên cơ sở nghiên cứu thực trạng quản lý hoạt động TVTL cho HS, tác giả đề xuất các biện pháp quản lý hoạt động TVTL cho HS ở các trường tiểu học huyện Hoài Đức, Hà Nội gồm:

Thứ nhất, phân tích bối cảnh thực tế để xây dựng kế hoạch (XDKH) TVTL phù hợp với nhu cầu của HS nhà trường. Nhằm nhận diện những vấn đề tâm lý HS phổ thông trong đại dịch Covid-19; Hướng dẫn kỹ năng tư vấn hỗ trợ tâm lý cho HS trong đại dịch Covid-19 và sau khi quay lại trường học

Thứ hai, chỉ đạo XDKH TVTL cho HS. XDKH nhằm giúp nhà trường sẽ có cái nhìn tổng thể công việc triển khai hoạt động TVTL cho HS, từ đó phân công các bộ phận của nhà trường, các thành viên trong nhà trường, có định hướng cụ thể trong việc nắm bắt tâm lý của HS.

Thứ ba, tổ chức hoạt động bồi dưỡng về kiến thức và nghiệp vụ TVTL cho cán bộ tư vấn, GV nhà trường. Mục đích là nhằm xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, XDKH, đổi mới nội dung và hình thức ĐTBD cho CB, GV góp phần nâng cao chất lượng của hoạt động, giúp họ có thể đánh giá đúng năng lực của bản thân, tự XDKH bồi dưỡng và tự bồi dưỡng cho mình.

Thứ tư, xây dựng các tiêu chí KTĐG hoạt động TVTL cho HS trong các trường tiểu học. Thực tế cho thấy KTĐG hoạt động còn dựa theo kinh nghiệm, chưa toàn diện và khách quan, do vậy xây dựng các tiêu chí KTĐG sẽ giúp đánh giá mức độ thực hiện các hoạt động một cách công bằng, khách quan, tạo điều kiện để thực hiện kế hoạch tiếp theo.

Thứ năm, phối hợp với các lực lượng trong và ngoài nhà trường, tạo môi trường thuận lợi để thúc đẩy hoạt động TVTL cho HS. Tạo sự thống nhất cao giữa các LLGD trong và ngoài trường trong HĐTV, từ đó phát huy sức mạnh tổng hợp, khai thác thế mạnh của các lực lượng trong quản lý HĐTV.

Các biện pháp được đề xuất trên đây có mối quan hệ mật thiết với nhau tạo nên sự thống nhất, tác động qua lại và hỗ trợ cho nhau trong quá trình quản lý hoạt động TVTL cho HS ở trường tiểu học huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Mỗi biện pháp có một vị trí và thế mạnh riêng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ quản lý, biện pháp này là tiền đề cho biện pháp kia, song chúng có mối quan hệ mật thiết tác động lẫn nhau tạo thành một chỉnh thể thống nhất trong khâu quản lý hoạt động TVTL cho HS ở trường tiểu học huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

3. Kết luận

Sự quan tâm đúng mức đến hoạt động TVTL trong nhà trường phổ thông sẽ góp phần tạo nên thế hệ HS dám đương đầu với khó khăn thử thách, đủ tỉnh táo và sáng suốt trong các quyết định liên quan đến cuộc đời mình. Trong quản lý nhà trường tiểu học, CBQL phải linh hoạt, sáng tạo, tiếp cận với cách quản lý mới, mạnh dạn thay đổi thói quen, suy nghĩ của CBQL, GV, NV nhà trường trong việc giáo dục HS.

Qua nghiên cứu thực trạng quản lý hoạt động TVTL cho HS ở các trường tiểu học huyện Hoài Đức thành phố Hà Nội, tác giả càng hiểu rõ mục tiêu nhân văn mà trường đã đề ra. Tuy nhiên, trong điều kiện mới, hệ thống các biện pháp được sử dụng trong công tác này cần thiết thực, phù hợp với từng đối tượng cụ thể nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT về việc ban hành Quy định CNN GV*. Hà Nội

2.Jesse B.Davis, Frank Parsons, và Cliffort Beer. Gladding (2000), *Counseling,a comprehensive profession*

3. Carl Rogers (1954) *Psychotherapy and Personality Change*

4.Nguyễn Tùng Lâm, Nguyễn Ngọc Diệp (2012), *"Mô hình phát triển tâm lý học đường ở Việt Nam"*, Tạp chí Giáo dục Thủ đô (36), tháng 12/2012